



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG 87 NĂM THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 172, số 12/2, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Hà Xuân Hương - Thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái	3
Ngô Thị Thu Trang - Một số biện pháp nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh phổ thông	9
Nguyễn Thị Hà, Vũ Thị Hồng Hoa - Nâng cao tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử	15
Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Mai Hương, An Thị Thư, Nguyễn Thị Hồng - Phát triển chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng chuẩn mực kế toán quốc tế	21
Nguyễn Thị Hòa - Sử dụng tuyển tập “Những lá thư thời chiến Việt Nam” trong giáo dục lịch sử	27
Nguyễn Thị Xuân Thu, Phạm Ngọc Duy - Những tác động của việc sử dụng sơ đồ ngữ nghĩa đối với khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	33
Vũ Kiều Hạnh, Hoàng Thị Cương - Nghiên cứu kỹ năng đọc của sinh viên năm thứ 2 tại trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên, cơ sở để thiết kế các hoạt động rèn luyện tăng cường	39
Nguyễn Thị Thu Hương - Bảo vệ quyền nhân thân cho lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam	45
Nguyễn Thị Thắm - Hành trình tìm kiếm hạnh phúc của nhân vật nữ trong <i>Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác</i> của Le Clézio	51
Lê Thị Lưu, Trần Bảo Ngọc, Bùi Thanh Thủy và cộng sự - Nhận thức của sinh viên cử nhân điều dưỡng về môi trường giáo dục tại trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên bằng bảng hỏi DREEM	57
Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ - Nhận thức của nông hộ về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu tới sản xuất chè - Trường hợp nghiên cứu: Vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên	63
Dương Thanh Tinh, Trần Văn Quyết, Nguyễn Ngọc Lý, Nguyễn Việt Dũng - Giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số thông qua phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	69
Nguyễn Thu Nga, Đỗ Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Diệu Hồng - Sử dụng hàm Cobb - Douglas tuyến tính để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam	75
Phùng Thanh Hoa, Bùi Thị Thanh Thủy - Tác động của kinh tế thị trường đến nông thôn Việt Nam hiện nay	81
Hoàng Thị Mỹ Hạnh, Sombath Kingbounkai - Quá trình di cư của người Việt đến Lào và định cư tại tỉnh Luangprabang nước CHDCND Lào	87
Vi Thị Phương - Sử dụng báo chí vào công cuộc xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam, nhìn từ góc độ tạp chí <i>Tao Đàn</i> (1939)	93
Nguyễn Thị Minh Loan - Đề xuất mô hình tập huấn dạy đặt câu hỏi trong kỹ năng đọc hiểu	99
Nguyễn Thị Bích Ngọc - Đánh giá nội dung và việc giảng dạy học phần bút ngữ tiếng Anh trung cao cấp 2 tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên xét từ góc độ sinh viên	105
Nguyễn Mai Linh, Trần Minh Thành, Dương Thị Hồng An - Kết hợp sử dụng hồ sơ học tập (Portfolio) và thuyết trình nhóm trong dạy và học các khóa học tiếng Anh chuyên ngành tiếp cận hậu phương pháp luận	111
Trần Thị Kim Hoa - Phát triển năng lực sử dụng từ tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số qua các bài tập về từ	117
Trần Tú Hoài - Một số nội dung cơ bản của chính sách phát triển giảng viên qua thực tiễn tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	121
Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy - Rèn luyện phong cách làm việc quần chúng của người cán bộ theo phong cách Hồ Chí Minh	127

Tổng Thị Phương Thảo - Bảo vệ quyền của lao động nữ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ theo pháp luật lao động Việt Nam	131
Lương Thị Hạnh - Vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bắc Kạn	137
Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Thu Hiền - Một số vấn đề về việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam hiện nay	143
Hồ Lương Xinh, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Giang, Lưu Thị Thùy Linh, Bùi Thị Thanh Tâm, Nguyễn Mạnh Thắng - Xác suất cải thiện thu nhập của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	149
Đinh Ngọc Lan, Đoàn Thị Thanh Hiền, Dương Tuấn Việt - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong tại huyện Nguyên Bình- tỉnh Cao Bằng	155
Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Nguyễn Thị Giang, Dương Xuân Lâm - Tác động của vốn xã hội và công nghệ thông tin đến dự định chia sẻ tri thức và hành vi chia sẻ tri thức của cán bộ giảng viên tại Đại học Thái Nguyên	161
Nguyễn Thị Hiền Thương, Dương Thị Thu Hoài, Cù Ngọc Bắc, Kiều Thu Hương, Vũ Thị Hải Anh - Sự tham gia của người dân trong việc thực hiện các tiêu chí cơ sở hạ tầng - chương trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	169
Vũ Bạch Diệp, Mai Việt Anh - Huy động vốn cho phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thực trạng và một số giải pháp	175
Nguyễn Thị Ngọc Anh, Hoàng Huyền Trang - Thiết kế và sử dụng các trò chơi học tập nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn khẩu ngữ cao cấp cho sinh viên Trung Quốc tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên	181
Trần Thị Yến, Khổng Thị Thanh Huyền - Những lỗi về câu thường gặp trong bài viết tiếng Anh học thuật của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Anh: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp	187
Hà Thị Thanh Hoa, Chu Thị Kim Ngân, Dương Thị Thúy Hương - Mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ mạng di động Vinaphone tỉnh Thái Nguyên	193
Vũ Thị Loan, Vũ Thị Hậu - Vai trò của giá cổ phiếu đối với dự báo khó khăn tài chính doanh nghiệp: Mô hình SVM	199
Hồ Thị Mai Phương, Hoàng Thị Tú, Trần Nguyệt Anh - Thiết kế và tổ chức trò chơi học tập trong hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	205
Đồng Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thị Thu Hường, Hoàng Thanh Hải, Nguyễn Thị Thu Hằng - Ứng dụng mô hình logistic xếp hạng tín dụng doanh nghiệp xây dựng niềm yết tại Việt Nam	211
Hà Thị Hòa, Hồ Ngọc Sơn - Phân tích chuỗi giá trị qua các kênh tiêu thụ sản phẩm Sơn tra tại Yên Bái	219

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

Ngô Thị Thu Trang*

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Từ Hán Việt là hệ quả của quá trình giao lưu tiếp xúc ngôn ngữ - văn hóa Việt – Hán trong một quá trình lịch sử lâu dài, nó được coi là bộ phận quan trọng trong vốn từ vựng tiếng Việt. Hiểu và sử dụng đúng từ Hán Việt sẽ góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh qua việc dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông là nhiệm vụ quan trọng, cần thiết. Bài báo đề xuất một số biện pháp giúp giáo viên có thể dạy học từ Hán Việt hiệu quả và thiết thực hơn như: tích hợp dạy học từ Hán Việt qua giờ dạy đọc hiểu tác phẩm văn học, thiết kế các trò chơi, xây dựng hệ thống các bài tập thực hành, hướng dẫn học sinh biết cách tra cứu từ ngữ... Các biện pháp này cần được giáo viên vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh và điều kiện dạy học cụ thể.

Từ khóa: *biện pháp, từ Hán Việt, năng lực, dạy học, học sinh*

MỞ ĐẦU

Những đặc điểm về địa lí, chính trị, quân sự, văn hóa – xã hội... đã dẫn đến sự tiếp xúc ngôn ngữ Việt – Hán lâu dài và liên tục. Kết quả của quá trình tiếp xúc đó làm nảy sinh nhiều hiện tượng ngôn ngữ, đặc biệt là sự hình thành lớp từ Hán Việt. Từ Hán Việt là một bộ phận quan trọng trong vốn từ vựng tiếng Việt. Lớp từ này đã làm cho tiếng Việt thêm giàu có, tinh tế, uyển chuyển. Hiểu nghĩa, ghi nhớ và sử dụng chuẩn xác vốn từ Hán Việt sẽ góp phần vào việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Trong cuốn *Dạy và học từ Hán Việt ở trường phổ thông*, tác giả Đặng Đức Siêu đã nhận định: “Đối với người bản ngữ, từ Hán Việt là một thực thể vừa quen lại vừa lạ” [3; 4]. Quả đúng vậy, mặc dù có nguồn gốc ngoại lai nhưng vỏ ngữ âm của từ Hán Việt đã được Việt hóa cao độ nên không xa lạ gì với ngữ cảm, với cảm quan thính giác của người Việt. Nhiều từ Hán Việt vào Việt Nam từ rất sớm, qua thời gian lâu dài hòa nhập hẳn vào từ vựng tiếng Việt, nếu không nghiên cứu sâu thì cũng khó nhận ra nguồn gốc Hán của chúng. Nhiều từ tuy ý nghĩa nội hàm sâu rộng nhưng vì đã từng gắn bó chặt chẽ với lịch sử, văn

hóa, xã hội của ta và cũng từng được sử dụng phổ biến nên cũng trở thành quen thuộc, dễ hiểu. Tuy nhiên đối với nhiều người, đặc biệt đối với học sinh phổ thông, hiểu và dùng đúng từ Hán Việt trong nói, viết vẫn là một việc khó khăn. Các em thường lúng túng, vụng về khi dùng từ Hán Việt do hiểu sai nghĩa hoặc không hiểu sắc thái ý nghĩa của từ một cách thấu đáo. Thực trạng này đòi hỏi giáo viên và học sinh cần nhìn nhận nghiêm túc và tìm giải pháp khắc phục. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi đưa ra một vài biện pháp mang tính gợi ý giúp giáo viên dạy bậc phổ thông có thể nâng cao năng lực hiểu và sử dụng từ Hán Việt cho học sinh của mình.

NỘI DUNG

Nhà giáo Nguyễn Văn Bảo sau nhiều năm giảng dạy đã nhận thấy: “Sau nhiều năm dạy văn trong nhà trường phổ thông, tôi càng thấm thía điều cần thiết là phải hiểu được hết ý nghĩa từ vựng của từ Hán Việt thì mới học được văn, mới làm được văn, mới dạy được văn và mới có cơ sở để đi vào tìm hiểu các lĩnh vực khoa học khác được dễ dàng” [1; 6]. Thế nhưng trong thực tế dạy và học ở bậc phổ thông, kiến thức về từ Hán Việt vẫn chưa được nhiều giáo viên chú trọng trang bị cho học sinh. Những kiến thức lí thuyết về từ Hán Việt hầu như chỉ được giới thiệu rất sơ lược,

* Tel: 0915176762; Email: ngothutrang2007@gmail.com

khái quát. Những giờ dạy riêng về từ Hán Việt rất ít và thường không được giáo viên đầu tư thời gian, trí tuệ một cách thích đáng cho quá trình lên lớp. Những người soạn sách giáo khoa đã quan tâm đến việc giúp học sinh trang bị kiến thức về nghĩa của các yếu tố Hán Việt qua các bảng tra yếu tố Hán Việt, từ Hán Việt nhưng số lượng yếu tố và từ Hán Việt được giới thiệu vẫn còn ít. Mục đích của việc giảng dạy từ ngữ Hán Việt ở bậc phổ thông là cung cấp cho học sinh một vốn kiến thức bước đầu về từ ngữ Hán Việt và mở rộng vốn yếu tố, vốn từ ngữ Hán Việt. Giáo viên cũng nên điều tra, khảo sát, thống kê để nắm được số lượng các yếu tố, các từ ngữ Hán Việt mà học sinh đã tích lũy được. Sau đó sẽ có các biện pháp dạy học tích hợp kiến thức về từ Hán Việt qua các bài học, không chỉ là bài dạy riêng về từ Hán Việt mà cả các bài đọc – hiểu văn bản. Đối với học sinh phổ thông việc phân biệt từ Hán Việt với từ thuần Việt, phân biệt các hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa, hiểu nghĩa từ Hán Việt, ... gặp nhiều khó khăn. Để hiểu được nghĩa của từ ngữ Hán Việt cũng không phải là việc đơn giản đối với nhiều giáo viên. Những từ như: *cứu cánh, bình sinh, tỏa chiết, nhân thân, trầm kha...* chẳng hạn, tuy cũng thường xuyên xuất hiện trong lời nói, trên văn bản nhưng không phải tất cả giáo viên đều có thể dễ dàng hiểu đúng. Đây cũng là một thách thức không nhỏ đối với chính các giáo viên, bắt buộc họ phải thường xuyên tự học hỏi nâng cao kiến thức của bản thân. Thời gian dành cho việc dạy kiến thức về từ Hán Việt rất ít, thời lượng dành cho việc hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản cũng không nhiều, vì vậy giáo viên khó có thể giải nghĩa từ Hán Việt trong các văn bản ấy được cặn kẽ giúp cho học sinh tích lũy vốn hiểu biết về nghĩa của các yếu tố và từ ngữ Hán Việt. Những khó khăn trên đòi hỏi mỗi giáo viên phải thực sự tâm huyết, tận dụng mọi thời gian và cơ hội có thể để lồng ghép các kiến thức về từ Hán Việt cho học sinh. Sau đây là một vài biện pháp mà giáo

viên có thể áp dụng để giúp học sinh phổ thông có thêm kiến thức và rèn luyện khả năng sử dụng từ Hán Việt.

Tích hợp dạy học từ Hán Việt cho học sinh trong các giờ dạy đọc hiểu văn bản

Các bài học dạy riêng về từ Hán Việt trong chương trình THCS và THPT rất ít. Vì vậy giáo viên cần phải tích hợp bồi dưỡng vốn kiến thức về từ Hán Việt cho học sinh qua các giờ đọc hiểu tác phẩm văn học, đặc biệt là đọc hiểu tác phẩm văn học trung đại. Chẳng hạn khi dạy bài *Nam quốc sơn hà* (Lý Thường Kiệt?), sau khi hướng dẫn học sinh giải nghĩa các từ ngữ trong văn bản, giáo viên nên có phần mở rộng thêm vốn yếu tố Hán Việt cho học sinh như: *thiên* nghĩa trong bài là *trời* (*thiên tai, thiên thạch, thiên tử, thiên thần...*) nhưng ngoài ra còn có những trường hợp đồng âm với nghĩa khác: *thiên* – nghìn (*thiên cổ, thiên lí, thiên niên kỉ, thiên hình vạn trạng...*), *thiên* – lệch, nghiêng về một phía nào đó (*thiên hướng, thiên kiến, thiên vị...*), *thiên* – dời chỗ (*thiên đô chiếu...*)... Giáo viên cũng nên lưu ý là không nhất thiết phải giới thiệu hết mọi nghĩa của các yếu tố Hán Việt mà nên lựa chọn những nghĩa nào cần thiết, quen thuộc, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh. Và trong một bài cũng chỉ nên mở rộng vài yếu tố để đảm bảo thời lượng của chương trình. Giáo viên nên tận dụng những từ mà các em đã biết làm cơ sở để giải thích các từ chưa biết.

Lồng ghép việc dạy học từ Hán Việt cho học sinh trong nhiều hoạt động khác nhau

Tổ chức các trò chơi nho nhỏ trước khi bắt đầu bài học hoặc trong các giờ học cũng là một cách để giúp học sinh thư giãn và tạo hứng thú học tập, giúp các em tiếp thu bài hiệu quả hơn. Giáo viên có thể thiết kế một số trò chơi để học sinh thể hiện sự hiểu biết về từ Hán Việt, qua đó uốn nắn, bổ sung vốn kiến thức về từ Hán Việt cho các em. Một trong những trò chơi dễ thực hiện, phù hợp với đặc điểm không gian và thời gian lớp học mà học

sinh rất hứng thú là trò đuổi hình bắt chữ. Giáo viên tự xây dựng những hình ảnh đồ để học sinh tìm ra đáp án là những từ Hán Việt như: *nhật báo, kiến thiết, mĩ nhân ngư, ngũ quan, học kì, nội thất, mã hóa, cao kiến, mặt khẩu, nhãn tâm, đình công, đại nhân, đăng quang, công trường...* thậm chí là cả những cụm từ dài như: *Đồng cam cộng khổ, Khắc cốt ghi tâm, Tiền trạm hậu tẩu, Tương kế tựu kế, Nhất thủ nhì vĩ, Kinh lão đắc thọ...* Những từ Hán Việt này có mặt thường xuyên trong ngôn ngữ hàng ngày nên học sinh dễ dàng đoán ra. Nhưng không chỉ dừng lại ở đó, khi học sinh đưa ra đáp án giáo viên có thể yêu cầu cao hơn là hỏi học sinh nghĩa của từ/cụm từ là gì. Từ đó giáo viên sẽ biết được khả năng hiểu từ ngữ Hán Việt của các em và giải thích giúp các em hiểu đúng các từ ngữ này. Như vậy, đây cũng là một cách giúp học sinh lĩnh hội được kiến thức về từ Hán Việt nhẹ nhàng, tự nhiên. Giáo viên có thể động viên một số học sinh tự thiết kế các trò chơi liên quan đến từ Hán Việt và tổ chức cho các bạn chơi. Điều đó sẽ tạo động lực, sự hứng thú và khơi dậy khả năng sáng tạo cho học sinh trong quá trình học tập.

Hiện tượng nói sai, viết sai từ Hán Việt đã được đề cập đến rất nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng. Người ta dẫn ra ví dụ, tranh luận nhau về cách dùng từ thế nào cho đúng (như những trường hợp: *Môn đăng hộ đối* hay *Môn đăng hậu đối, sát nhập* hay *sáp nhập, bàng quang* hay *bàng quan ...* thì đúng; dùng từ *cứu cánh* với nghĩa cứu giúp đúng hay sai...). Những vấn đề này giáo viên nên cân nhắc, lựa chọn đưa ra để học sinh tham gia vào cuộc tranh luận và thể hiện ý kiến cá nhân của mình trên cơ sở sự gợi ý, phân tích của giáo viên. Biện pháp này vừa giúp học sinh tích lũy thêm được kiến thức về từ Hán Việt vừa bồi dưỡng khả năng nhìn nhận, đánh giá, giải quyết vấn đề và khuyến khích tư duy phản biện ở người học. Khi chấm các bài văn của học sinh giáo viên cần để tâm xem xét cách dùng từ của các em. Nếu

có trường hợp nào học sinh dùng sai từ Hán Việt (sai nghĩa, sai sắc thái ...) thì khi trả bài phải cùng học sinh phân tích, chỉ ra lỗi sai để các em kịp thời sửa chữa. Nếu như giáo viên chỉ gạch vào bài mà không giảng giải tường tận thì các em chỉ biết mình sai chứ không hiểu lí do sai và như thế nào mới đúng. Vì thế lần sau sẽ lại tiếp tục mắc lỗi sai đó mà không sửa được. Một điểm các giáo viên cần lưu ý thêm đó là vốn từ tiếng Việt nói chung, vốn từ Hán Việt nói riêng của mỗi học sinh không đồng đều và có sự gia tăng theo từng lớp học, bậc học. Đó là một yếu tố mà người giáo viên phải tính đến khi lựa chọn cách dạy cho phù hợp với từng em và phù hợp với từng cấp học cụ thể. Mỗi lớp học, mỗi bậc học sẽ có những yêu cầu khác nhau để đảm bảo tính vừa sức.

Chú trọng bồi dưỡng kiến thức về từ Hán Việt cho học sinh một cách thường xuyên, có sự nâng cao theo từng cấp học

Ngày xưa trẻ nhỏ được học về từ Hán Việt qua những cuốn sách như *Nhất thiên tự, Tam thiên tự, Ngũ thiên tự...* Trẻ học chủ yếu bằng cách đọc thuộc lòng mỗi ngày vài chữ. Lỗi dạy và học cổ xưa ấy giờ đây không thể áp dụng. Giáo viên không thể dành quá nhiều thời gian để dạy từng yếu tố, học sinh cũng không thể học bằng cách ghi nhớ máy móc. Nhà nghiên cứu Lê Xuân Thai cho rằng: “Muốn sử dụng tốt từ ngữ Hán Việt trước hết phải hiểu đúng âm và nghĩa của chúng... Thường thì người ta hay hiểu lầm hoặc phân biệt không rạch ròi các từ Hán Việt gần âm hoặc gần nghĩa, do chỗ các từ đó có những yếu tố chung trong cấu tạo từ” [4; 36-37]. Để giúp học sinh hiểu đúng và dùng đúng từ Hán Việt là vấn đề không đơn giản, cần có quá trình bồi dưỡng lâu dài, liên tục qua các cấp học, kết hợp với việc học tập nhiều môn học khác nhau. Tri thức về từ Hán Việt của các em sẽ được củng cố và nâng lên cùng với quá trình học tập, tích lũy vốn tri thức của nhiều lĩnh vực.

Với học sinh ở những cấp học cao hơn, giáo viên có thể đi sâu phân tích, hệ thống hóa, hướng dẫn học sinh tìm hiểu từ nguyên và những hiện tượng phức tạp hơn như hiện tượng đa nghĩa, hiện tượng chuyển nghĩa, hiện tượng đồng âm... của từ Hán Việt. Ví dụ như hiện tượng đồng âm đã gây ra nhiều lầm lẫn tệ hại trong việc hiểu và dùng từ Hán Việt, giáo viên cần giúp người học xử lý những khó khăn gặp phải đối với hiện tượng này. Từ đồng âm thể hiện dưới hai hình thức: đồng âm giữa từ Hán Việt với từ Hán Việt, đồng âm giữa từ Hán Việt với từ thuần Việt. Trong quá trình giảng dạy giáo viên cũng nên lưu ý giúp học sinh phân biệt những trường hợp đồng âm thường gặp trong ngôn ngữ hàng ngày. Ví dụ về âm *tư*, giáo viên giải thích ý nghĩa và chỉ ra sự khác biệt về nghĩa giữa những từ Hán Việt đồng âm mang âm *tư*. Trước hết nên thống kê một số từ (từ tố) Hán Việt thông dụng mang âm *tư*, cung cấp nghĩa gốc, nghĩa phổ biến (nếu có thể kèm theo ví dụ cụ thể bằng những câu văn, câu thơ thì càng tốt):

tư 1: riêng (*tư nhân*, *tư hữu*, *tư thất*, *tư thù*...)

tư 2: nhớ (*tương tư*), suy nghĩ (*tư duy*, *tư tưởng*, *trầm tư*, *tâm tư*, *suy tư*...)

tư 3: của cái, vốn liếng (*tư liệu*, *đầu tư*, *vật tư*...)

tư 4: trông coi, cai quản (*tư lệnh*, *tư pháp*...)

Đối với những từ ghép Hán Việt giáo viên có thể trình bày nghĩa từng yếu tố (Ví dụ: *đại* – to lớn, *thụ* – cây -> *đại thụ*: cây lớn; *phong* – gió, *ba* – sóng -> *phong ba*: sóng gió...). Nhưng cũng có một vài trường hợp giáo viên phải lưu ý thêm cho học sinh là không thể tìm hiểu nghĩa của từ ghép qua việc lắp ghép nghĩa của hai thành tố lại với nhau, ví dụ như từ *tiểu nhân* thì không thể giải thích *tiểu* là nhỏ, *nhân* là người rồi suy ra *tiểu nhân* là người nhỏ được mà từ *tiểu nhân* mang nghĩa là kẻ nhỏ nhen, hèn hạ...

Phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong việc tự học

Tác giả Phan Ngọc, sau khi đưa ra các *Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt và chữa lỗi chính tả* đã

kết luận về việc chữa bài tập cho học sinh như sau: “Tránh bầu không khí nặng nề trong việc chữa chính tả. Bài chữa, cách chữa đều phải tươi vui... Mà trẻ em thì ghét chuyện khô khan, máy móc. Nên cố gắng làm cho bài sinh động bằng cách nâng cao tính chủ động của các em” [2; 570]. Như vậy là, khi dạy trẻ học về từ Hán Việt – lớp từ tương đối khó so với các em – thì giáo viên càng nên dụng công tìm ra những cách thức truyền đạt, những biện pháp dạy học nhẹ nhàng, vui vẻ mà vẫn hiệu quả, phù hợp với tâm lý học sinh. Nâng cao năng lực hiểu và sử dụng từ Hán Việt cho học sinh không chỉ phụ thuộc vào người dạy mà muốn có kết quả tốt cần phát huy tính chủ động, tích cực của học sinh trong quá trình học tập. Những người làm công tác biên soạn sách giáo khoa *Ngữ văn* phổ thông đã nhận thấy tầm quan trọng của việc giúp học sinh hiểu nghĩa từ ngữ Hán Việt nên cuối mỗi bộ sách *Ngữ văn* từ lớp 6 đến lớp 12 đều có bảng tra yếu tố Hán Việt (với 50 -70 yếu tố). Nhưng số lượng các yếu tố đó chưa đủ để người học hiểu được từ, qua đó hiểu rõ ý nghĩa của câu, đoạn, bài... trong các giờ học. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh tự biên soạn một bảng ghi vốn từ Hán Việt. Bảng vốn từ này ghi những từ Hán Việt đã được nghe thầy cô giảng trên lớp hoặc các em tự tra cứu trong các từ điển (sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái), có thể dẫn những câu thơ, câu văn minh họa. Biện pháp này sẽ kích thích khả năng tự học, rèn luyện cho các em biết cách sắp xếp, làm việc cẩn thận, nghiêm túc, khoa học đồng thời cũng có tác dụng tích cực đối với việc học tập từ ngữ Hán Việt.

KẾT LUẬN

Cách thức dạy và học từ Hán Việt như thế nào để đảm bảo cho học sinh phổ thông có khả năng sử dụng đúng từ Hán Việt trong nói, viết... không chỉ là mối quan tâm của nhiều giáo viên mà còn của nhiều người có trách nhiệm với ngôn ngữ dân tộc. Trên đây chúng tôi đã đề xuất một số biện pháp giúp giáo viên có thể nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh trong quá trình giảng dạy. Tuy

nhiên khi thực hiện phải căn cứ vào rất nhiều yếu tố (thời lượng chương trình, trình độ học sinh, đặc trưng vùng miền...). Mỗi giáo viên trong quá trình dạy học của mình sẽ tự nghiên cứu tìm tòi và lựa chọn các biện pháp có hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện dạy học cụ thể để đạt được mục tiêu cuối cùng là làm cho học sinh hiểu nghĩa, sử dụng đúng từ ngữ Hán Việt trong nói, viết, tạo lập các văn bản... Điều đó cũng đòi hỏi sự tâm huyết, trách nhiệm, nghiêm túc, sáng tạo

của giáo viên và nhận thức đúng đắn, tích cực, chủ động của học sinh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Bảo (2008), *Từ và ngữ Hán Việt*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Phan Ngọc (2000), *Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt và chữa lỗi chính tả*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
3. Đặng Đức Siêu (2001), *Dạy và học từ Hán Việt ở trường phổ thông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Lê Xuân Thái (2005), *Từ Hán Việt và việc giảng dạy từ Hán Việt trong SGK Ngữ văn THCS*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

SUMMARY

SOME MEASURES THAT NEED TO BE IMPLEMENTED TO ENHANCE STUDENTS' ABILITY IN TERMS OF USING SINO – VIETNAMESE WORDS

Ngô Thị Thu Trang*

University of Education – TNU

Sino – Vietnamese words, which are an important part of Vietnamese vocabulary, are the legacy after the process of languages - cultures exchanges between Vietnamese and Chinese during a long history. Understanding and using Sino - Vietnamese words correctly would contribute to maintaining the purity of Vietnamese. Enhancing the high schooler' ability to use Sino - Vietnamese words through Philology subject at high school is the most essential and necessary part. This article recommends some methods that could help teachers instruct Sino - Vietnamese words more effectively such as: teaching Sino - Vietnamese words in literature works comprehension, designing games, practical exercises, guiding students to look up necessary words and so on... Teachers should use these measures in a flexible manner, in accordance with pupils' cognitive level and specific teaching conditions.

Keywords: *measure, Sino – Vietnamese word, ability, teach, high schooler*

Ngày nhận bài: 01/9/2017; Ngày phản biện: 28/9/2017; Ngày duyệt đăng: 16/10/2017

* Tel: 0915176762; Email: ngothutrang2007@gmail.com

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Ha Xuan Huong - Women's situations in Thai and Tay's folk songs	3
Ngo Thi Thu Trang - Some measures that need to be implemented to enhance students' ability in terms of using Sino – Vietnamese words	9
Nguyen Thi Ha, Vu Thi Hong Hoa - Enhancing the proportion of female in people's elected bodies	15
Nguyen Thu Ha, Nguyen Thi Mai Huong, An Thi Thu, Nguyen Thi Hong - Developing vietnamese accounting standards towards international accounting standards	21
Nguyen Thi Hoa - Using collection "Vietnam wartime letters" in historical education	27
Nguyen Thi Xuan Thu, Pham Ngoc Duy - Effects of using semantic mapping on ESP vocabulary retention of the students at University of Technology – Thai Nguyen University	33
Vu Kieu Hanh, Hoang Thi Cuong - English reading skill of the second-year students at University of Agriculture and Forestry – Thai Nguyen University: basis for enhancement activities	39
Nguyen Thi Thu Huong - Protection of personal rights for juvenile labor in Vietnam law	45
Nguyen Thi Tham - The journey to search for happiness of female characters in the short stories <i>Cœur brûlé et autres romances</i> of Le Clézio	51
Le Thi Luu, Tran Bao Ngoc, Bui Thanh Thuy et al - The bachelor of nursing students' perception of educational environment at University of Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University by DREEM questionnaire	57
Bui Thi Minh Ha, Nguyen Huu Tho - Awareness of household on climate change and its effectiveness on tea cultivation: a case study in Tan Cuong tea area, Thai Nguyen city	63
Duong Thanh Tinh, Tran Van Quyet, Nguyen Ngoc Ly, Nguyen Viet Dung - Employment creation potential for ethnic minorities through value chain development of cinnamon products in the northern mountainous region of Vietnam - a case study of Van Yen district, Yen Bai province	69
Nguyen Thu Nga, Do Thi Tuyen Mai, Nguyen Thi Dieu Hong - Applying Cobb-Douglas linear function to measure the efficiency of Vietnam commercial banks	75
Phung Thanh Hoa, Bui Thi Thanh Thuy - The impact of market economy on rural Viet Nam at present	81
Hoang Thi My Hanh, Sombath Kingbounkai - The migration process of Vietnamese to Laos and location in Luangprabang province of Laos	87
Vi Thi Phuong - Using press to the new construction of building culture in Vietnam, look at the <i>Tao Dan</i> magazine (1939)	93
Nguyen Thi Minh Loan - A proposed model for question generation instruction in reading comprehension	99
Nguyen Thi Bich Ngoc - English written proficiency – upper intermediate 2 (EWU241): students' evaluation of the course content and teaching activities at the School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	105
Nguyen Mai Linh, Tran Minh Thanh, Duong Thi Hong An - Portfolio development and group presentation for ESP courses toward postmethod	111
Tran Thi Kim Hoa - Developing the ability of using Vietnamese for ethnic minority elementary school pupils through vocab exercises	117
Tran Tu Hoai - The main points of "lecturers development" policy that were taken in University of Education – Thai Nguyen University	121
Pham Thi Huyen, Vu Thi Thuy - Training the working style manner of cadres following Ho Chi Minh's style	127

Tong Thi Phuong Thao - Protect the rights of women workers during pregnancy, childbirth and child rearing according to Vietnamese labor law	131
Luong Thi Hanh - The role of ethnic minority women in building new rural areas in Bac Kan province	137
Nguyen Thi Thanh Ha, Nguyen Thi Thu Hien - Some issues on building new ways of life for Vietnamese students nowadays	143
Ho Luong Xinh, Nguyen Thi Yen, Nguyen Thi Giang, Luu Thi Thuy Linh, Bui Thi Thanh Tam, Nguyen Manh Thang - Probability of improving farmer household income after agricultural land acquisition at industrial zones in Thai Nguyen province	149
Dinh Ngoc Lan, Doan Thi Thanh Hien, Duong Tuan Viet - Analyzing factors effect to production and consumption of canna in Nguyen Binh district - Cao Bang province	155
Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Nguyen Thi Giang, Duong Xuan Lam - Investigating the effects of social capital and information technology on knowledge sharing intention and knowledge sharing behavior among employees in Thai Nguyen University	161
Nguyen Thi Hien Thuong, Duong Thi Thu Hoai, Cu Ngoc Bac, Kieu Thu Huong, Vu Thi Hai Anh - Research the contribution of cityzens to implement the imfrastructure criteria for new rural program in Phu Luong district, Thai Nguyen province	169
Vu Bach Diep, Mai Viet Anh - Some solutions for mobilizing capital for small and medium enterprises developing Thai Nguyen city	175
Nguyen Thi Ngoc Anh, Hoang Huyen Trang - Designing and using learning games in order to increase the effective teaching in oral advanced proficiency for chinese students at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	181
Tran Thi Yen, Khong Thi Thanh Huyen - Common sentence problems in academic writing committed by Vietnamese students of English: situation, causes and solutions	187
Ha Thi Thanh Hoa, Chu Thi Kim Ngan, Duong Thi Thuy Huong - The satisfaction of customers on the quality of Vinaphone mobile network service of Thai Nguyen province	193
Vu Thi Loan, Vu Thi Hau - The role of market stock price as a financial distress predictor: SVM model	199
Ho Thi Mai Phuong, Hoang Thi Tu, Tran Nguyet Anh - Design and organization of learning games in elementary school mathematical symbols for elementary school children	205
Dong Thi Hong Ngoc, Nguyen Quynh Hoa, Nguyen Thi Thu Huong, Hoang Thanh Hai, Nguyen Thi Thu Hang - Application of logistic models in rating credit of listed construction enterprices in Vietnam	211
Ha Thi Hoa, Ho Ngoc Son - Values chain analysis through consumption channels of Son tra in Yen Bai province	219